TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN KHÁNH** **TỈNH NINH BÌNH** Số: 56 /2019/QĐST- HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Yên Khánh, ngày 20 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ dân sự thụ lý số: 77/2019/TLST/HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn giữa:

Nguyên đơn : Chị Bùi Thị Quỳnh D.

Địa chỉ: xóm Chợ X, xã T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn : Anh Đỗ Mạnh H.

Địa chỉ: xóm Chợ X, xã T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành 12 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị Quỳnh D và anh Đỗ Mạnh H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể nh- sau:

2.1 Về con*:* Anh Đỗ Mạnh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Đỗ Bảo T, sinh ngày 21 tháng 03 năm 2014. Chị Bùi Thị Quỳnh D có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh Đỗ Mạnh H hàng tháng với mức là 1.000.000đ (*Một triệu đồng)* kể từ tháng 7 năm 2019 đến khi cháu T đủ 18 tuổi; không ai được cản trở việc thăm nom con chung.

Chị Bùi Thị Quỳnh D và anh Đỗ Mạnh H không có con riêng nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Kể từ ngày anh Đỗ Mạnh H có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Bùi Thị Quỳnh D không thi hành hết khoản tiền trên thì hàng tháng chị Duyên còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.2. Về tài sản: Chị Bùi Thị Quỳnh D và anh Đỗ Mạnh H không có tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và đất nông nghiệp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Bùi Thị Quỳnh D nộp 150.000đ(*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí nuôi con định kỳ; nhưng đ□ợc khấu trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0002043 ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ□ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

THẨM PHÁN

Phan Hữu Ý

<u>Nơi gửi</u> :
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- THA DS huyện Yên Khánh.
- UBND xã T.
- Đương sự
- L- uhồ sơ vụ án